

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **89/2017/HC-ST**

Ngày: 30-11- 2017

*V/v Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đinh Văn Long**

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trương Thị Trang

Ông Trịnh Ngọc Bằng

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Thanh Thảo** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà **Đoàn Thị Thanh Mai** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 23/2017/TLST-HC ngày 17 tháng 3 năm 2017 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2017/QĐXXST-HC ngày 15 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà **Phạm Thị Hải Y**, sinh năm 1971

Địa chỉ: Số 110, đường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Khánh T1- chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam (văn bản ủy quyền số 3460/UBND-NC ngày 07/7/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Trần Minh T2- chức vụ: Phó Chánh Thanh tra tỉnh Quảng Nam.

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh N- chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T (văn bản ủy quyền số 89/GUQ-UBND ngày 07/7/2017 của Chủ tịch UBND thành phố T).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Phan Như T3- chức vụ: Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch thành phố T, ông Đinh Hữu T4- chức vụ: Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T và ông Nguyễn Quyết T5 - Chánh Thanh tra thành phố T.

2.3. Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh N- chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T (văn bản ủy quyền số 89/GUQ-UBND ngày 07/7/2017 của Chủ tịch UBND thành phố T).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Phan Như T3- chức vụ: Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch thành phố T, ông Đinh Hữu T4- chức vụ: Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T và ông Nguyễn Quyết T5 - Chánh Thanh tra thành phố T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và lời trình bày của người khởi kiện như sau:

Năm 2005, bà Phạm Thị Hải Y được Hội đồng đấu giá quyền sử dụng đất thị xã T (nay là thành phố T) xét trúng đấu giá lô đất F42, diện tích 137,5m² với giá 165.000.000 đồng (1.200.000đồng/m²) tại Khu dân cư H, phường H (nay là mặt tiền đường Trần Quý C). Bà Y đã nộp đủ tiền và đã được UBND thành phố T cấp giấy CNQSDĐ số H0028XXX ngày 16-5-2006. Tuy nhiên, UBND thành phố T không giao đất cho bà Y do lô đất nói trên chưa được giải tỏa. Ngày 17-6-2010, Hội đồng đấu giá QSDĐ thành phố T thống nhất hoán đổi cho bà Y lô đất F42 bằng lô đất N10, diện tích 180m². Trong đó, diện tích 137,5m² được đổi ngang với 137,5m² của lô F42, phần diện tích 42,5m² còn lại bà Y phải nộp thêm 106.250.000 đồng (2.500.000đ/m²). Như vậy, lô N10 có giá là 271.250.000 đồng, bà Y đã nộp đủ tiền. Tuy nhiên, thực tế bà Y nhận được lô đất N10 với diện tích 120m². Đối với 60m² đất giao thiếu, UBND thành phố T hoàn trả cho bà Y 127.250.000 đồng theo Quyết định 3704/QĐ-UBND ngày 24-7-2013. Ngày 19-8-2014, UBND thành phố T ban hành Quyết định số 6727/QĐ-UBND và ngày 22-10-2014 ban hành Quyết định số 8319/QĐ-UBND với nội dung hoàn trả tiền sử dụng đất và trả lãi cho bà Y, tổng số tiền là 161.607.500 đồng (trong đó tiền sử dụng đất 127.250.000 đồng, tiền lãi theo quy định ngân hàng Nhà nước 34.357.500 đồng). Không thống nhất, bà Y làm đơn khiếu nại, được Chủ tịch UBND thành phố T giải quyết khiếu nại tại Quyết định số 8646/QĐ-UBND ngày 11-11-2014 không công nhận nội dung đơn khiếu nại của bà Y. Bà Y tiếp tục khiếu nại, ngày 20-7-2015 Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam ban hành Quyết định 2530/QĐ-UBND không công nhận nội dung đơn khiếu nại của bà Y và giữ nguyên Quyết định số 8646/QĐ-UBND. Do đó, bà Phạm Thị Hải Y khởi kiện tại Tòa án, yêu cầu hủy Quyết định 2530/QĐ-UBND ngày 20-7-2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam và hủy Quyết định 8646/QĐ-UBND ngày 11-11-2014 của Chủ tịch Ủy

ban nhân dân thành phố T về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị Hải Y và yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Ngày 01-9-2017, bà Y nộp đơn khởi kiện bổ sung tại Tòa án, yêu cầu hủy Quyết định số 6072/QĐ-UBND ngày 03-8-2016 của Ủy ban nhân dân thành phố T, vì Quyết định này hoàn trả bổ sung số tiền sử dụng đất đã nộp thừa cho bà Y thay thế Quyết định số 5650/QĐ-UBND ngày 31-7-2015 của UBND thành phố T, nhưng không đảm bảo quyền lợi cho Bà.

Theo lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T và Ủy ban nhân dân thành phố T như sau:

Năm 2005, bà Phạm Thị Hải Y được xét trúng đấu giá lô đất số F42, tại Khu dân cư H, phường H, thành phố T, diện tích 137,5m² với số tiền là 165.000.000 đồng (1.200.000 đồng/m²), đã được UBND thành phố T cấp GCNQSDĐ. Tuy nhiên, lô F42 chưa giải tỏa xong mặt bằng nên năm 2010 bà Y yêu cầu chuyển đổi sang lô đất ở khác đã có mặt bằng để làm nhà ở. Ngày 17-6-2010, Hội đồng đấu giá QSDĐ thành phố T đã thống nhất và cho chuyển đổi sang lô N10 thuộc KDC 2 bên đường số 24, diện tích 180m² (đổi ngang diện tích lô F42), diện tích chênh lệch thu thêm tiền là 106.250.000 đồng (2.500.000 đồng/m²), tổng giá trị của lô đất N10 là 271.250.000 đồng. Tuy nhiên, theo quy hoạch thì lô N10 có diện tích là 120 m², ngày 16-4-2013, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố T đã tiến hành làm việc với bà Y, tại biên bản làm việc (bút lục 126) thể hiện bà Y thống nhất nhận diện tích 120m² tại lô đất N10 khu dân cư số 4, còn đối với 60m² giao thiếu thì bà Y đề nghị trả lại tiền cho bà theo giá đất hiện nay. Trên cơ sở đề nghị của các ngành, UBND thành phố T đã ban hành Quyết định số 3704/QĐ-UBND ngày 24-7-2013, hoàn trả lại tiền sử dụng đất cho bà Y với số tiền 127.250.000 đồng theo cách thức quy đổi như sau: Đổi ngang diện tích lô F42 sang lô N10, diện tích quy đổi 120m², diện tích nộp thừa 17,5m² sẽ được hoàn trả lại số tiền 21.000.000 đồng (1.200.000 đồng/m²); hoàn trả lại khoản tiền sử dụng đất đã nộp thêm để nhận lô N10 là 106.250.000 đồng. Không thống nhất với Quyết định 3704/QĐ-UBND, bà Y đã có đơn khiếu nại đề nghị UBND thành phố T hoàn trả lại 60m² đất giao thiếu cho Bà bằng hình thức trả tiền theo giá đất đường N24 tại thời điểm hiện nay và đề nghị UBND thành phố sớm giao đất cho bà. Ngày 25-10-2013, Ủy ban nhân dân thành phố T đã cấp GCNQSDĐ cho bà Phạm Thị Hải Y lô N10 có diện tích 120 m², tại Khu dân cư số 4, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Để có cơ sở giải quyết diện tích 60m² đất giao thiếu cho bà Y, UBND thành phố T có Tờ trình số 27/TTr-UBND ngày 18-02-2014 gửi Sở tài chính tỉnh Quảng Nam với nội dung xin phê duyệt đơn giá đất ở lô N10 KDC 2 bên đường số 24. Ngày 14-3-2014, Sở tài chính tỉnh Quảng Nam có Công văn số 440/STC-GCS với nội dung: Lô đất N10 KDC 2 bên đường số 24 đã được UBND thành phố T bố trí đổi đất cho bà Phạm Thị Hải Y từ năm 2010, bà Y đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính về đất đai, vì vậy việc UBND thành phố T đề nghị phê duyệt giá đất lô N10 là không có cơ sở xem xét tham mưu. Căn cứ Điều 74 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06-11-2013 của Bộ

Tài chính quy định về “ Xử lý số thuế nộp thừa, số thuế nộp thiếu sau khi có quyết định giải quyết của cơ quan có thẩm quyền”, UBND thành phố T hoàn trả lại số tiền sử dụng đất đã nộp thừa kèm theo lãi suất ngân hàng tại thời điểm giải quyết, cụ thể: Số tiền gốc đã nộp 127.250.000 đồng, tiền lãi 34.357.500 đồng. Tổng số tiền phải trả cho bà Y là 161.607.500 đồng. Trong quá trình chờ giải quyết, bà Y đã nhận 100.000.000 đồng tại Quyết định 658/QĐ-UBND ngày 22-01-2014 của UBND thành phố T. Ngày 19-8-2014, bà Y có đơn khiếu nại Quyết định số 6727/QĐ-UBND của UBND thành phố T với nội dung yêu cầu hoàn trả lại tiền sử dụng đất của 60m² đất giao thiếu theo đơn giá 3.500.000 đồng/m². Yêu cầu của bà Y không có cơ sở để xem xét giải quyết, bởi vì: Đơn giá 3.500.000 đồng/m² không phải đơn giá do UBND tỉnh quy định; Trên thực tế phần diện tích 60m² đất này chưa được bàn giao đất, bà Y cũng chưa quản lý, sử dụng, chưa có tác động gì trên phần diện tích đất này; Việc hoàn trả lại tiền sử dụng đất cho bà Y theo đúng mức giá bà đã nộp cộng với lãi suất ngân hàng; Việc thực hiện nghĩa vụ tài chính của bà Y không đảm bảo về mặt thời gian theo quy định.

Qua rà soát lại quá trình giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị Hải Y, nhận thấy nội dung vụ việc có yếu tố dân sự. Tuy nhiên, trong quá trình ban hành Quyết định số 8646/QĐ-UBND ngày 11-11-2014, Chủ tịch UBND thành phố T không căn cứ và viện dẫn các quy định pháp luật dân sự để giải quyết vụ việc này mà tiến hành giải quyết theo quy định Luật khiếu nại là chưa đúng. Do đó, ngày 09-10-2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Quyết định số 10820/QĐ-UBND về việc hủy bỏ Quyết định số 8646/QĐ-UBND ngày 11-11-2014 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Phạm Thị Hải Y.

Việc hoán đổi lô đất F42 sang Lô đất N10 thuộc khu dân cư 2 bên đường N24 là có lợi cho bà Y, vì lô đất N10 có vị trí thuận lợi hơn và giá trị cao hơn lô đất F42. Theo quy hoạch thì lô N10 có diện tích 120 m², tại biên bản làm việc ngày 16-4-2013, giữa Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố T và bà Y, thì bà Y đồng ý đề nghị UBND thành phố T cấp GCNQSDĐ diện tích 120 m² tại lô đất N10, còn diện tích 60 m² bà đồng ý nhận tiền theo giá đất đến thời điểm hiện nay và hơn nữa bà Y đã bán lô đất N10 diện tích 120 m² cho người khác. Do đó, việc UBND thành phố T hoàn trả tiền đối với diện tích 60 m² cho bà Y theo Quyết định số 6072/QĐ-UBND ngày 03-8-2016 là thỏa đáng và có thiện chí, nếu tính tổng số tiền phải trả lại cho bà Y theo Quyết định 6072 là 194.250.000 đồng trên diện tích 60 m², thì mỗi mét vuông đất sẽ có giá trị là 4.100.000 đồng đã đảm bảo quyền lợi cho bà Y. Hơn nữa, bản chất việc giao lô đất N10 cho bà Y là đổi đất chứ không phải đấu giá. Do đó, việc bà Y khởi kiện bổ sung hủy Quyết định số 6072/QĐ-UBND ngày 03-8-2016 của Ủy ban nhân dân thành phố T là không có cơ sở.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện (Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam) trình bày:

Ngày 09-10-2017, Chủ tịch UBND thành phố T đã ban hành Quyết định số 10820/QĐ-UBND về việc hủy bỏ Quyết định số 8646/QĐ-UBND ngày 11-11-2014 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Phạm Thị Hải Y. Vì vậy, Quyết định 2530/ QĐ-UBND ngày 20-7-2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam về việc giải quyết khiếu nại (Lần hai) của bà Phạm Thị Hải Y không còn hiệu lực thi hành. Do đó, ngày 19-10-2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam ban hành Quyết định số 3703/QĐ-UBND về việc thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 2530/QĐ-UBND ngày 20-7-2017 về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị Hải Y.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam nêu quan điểm:

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đúng thủ tục phiên tòa, xét hỏi các đương sự và xác định rõ nội dung vụ án. Người tham gia tố tụng cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án đầy đủ, tham gia phiên tòa đúng theo giấy triệu tập của Tòa án. Hội đồng xét xử đã tạo điều kiện cho các đương sự tranh luận tại phiên tòa để làm rõ nội dung vụ án. Về nội dung: Chủ tịch UBND thành phố T và Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam đã ban hành các quyết định thu hồi, hủy bỏ đối với các Quyết định giải quyết khiếu nại 8646/QĐ-UBND ngày 11-11-2014 và Quyết định 2530/QĐ-UBND ngày 20-7-2015, bà Yến cũng đã rút yêu cầu khởi kiện về việc hủy các Quyết định giải quyết khiếu nại này. Đối với Quyết định 6072/QĐ-UBND ngày 03-8-2016 tính chênh lệch giá và trả lãi suất 9% là đã tính toán quyền lợi của bà Y. Đề nghị áp dụng Điều 143, khoản 2 Điều 165, Điểm a, khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính đình chỉ giải quyết yêu cầu hủy quyết định giải quyết khiếu nại số 8646/QĐ-UBND ngày 11-11-2014 của Chủ tịch UBND thành phố T và Quyết định số 2530/QĐ-UBND ngày 20-7-2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam. Bác yêu cầu về việc hủy Quyết định 6072/QĐ-UBND ngày 03-8-2016 của UBND thành phố T về hoàn trả tiền sử dụng đất đối với bà Y.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Tại phiên tòa, bà Phạm Thị Hải Y rút yêu cầu khởi kiện đối với các quyết định giải quyết khiếu nại: Quyết định 2530/QĐ-UBND ngày 20-7-2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam và Quyết định 8646/QĐ-UBND ngày 11-11-2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị hủy Quyết định 6072/QĐ-UBND ngày 03-8-2016 của UBND thành phố T về việc hoàn trả bổ sung tiền sử dụng đất đã nộp thừa cho bà Y; ông Đinh Hữu T4 -người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND thành phố T và UBND thành phố T có

đơn xin xét xử vắng mặt; người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam đã được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Như vậy, các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử áp dụng Điều 158 Luật Tổ tụng hành chính tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thẩm quyền, thời hiệu khởi kiện:

Ngày 22-9-2015, bà Phạm Thị Hải Y nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam yêu cầu hủy Quyết định 8646/QĐ-UBND ngày 11-11-2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T về việc giải quyết đơn khiếu nại (lần đầu) và hủy Quyết định số 2530/QĐ-UBND ngày 20-7-2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) đối với bà Phạm Thị Hải Y, yêu cầu UBND thành phố T khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại cho bà. Vụ án đã được Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm tại Bản án hành chính số 01/2016/HCST ngày 16-3-2016 và Tòa án cấp phúc thẩm đã hủy án sơ thẩm để giải quyết lại.

Sau khi thụ lý sơ thẩm lại, ngày 01-9-2017 bà Y nộp đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 6072/QĐ-UBND ngày 03-8-2016 của Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố T về việc hoàn trả bổ sung tiền sử dụng đất nộp thừa cho bà Y (được ban hành sau khi xét xử sơ thẩm lần đầu). Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam và còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 32, Điều 116 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

[2] *Xét yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Hải Y:*

Theo biên bản họp xét chuyển đổi vị trí đất ở của Hội đồng đấu giá giao nhận quyền sử dụng đất thành phố T (Bút lục 29) xét chuyển đổi từ lô F42, diện tích 137,5 m² KDC H sang lô N10, diện tích 180m² KDC hai bên đường số 24, nhưng thực tế diện tích lô N10 chỉ có 120m². Trong thời gian chưa được nhận đất, ngày 01-4-2013, bà Y có đơn khiếu nại đề nghị UBND thành phố T phải giao đất cho bà. Tại biên bản làm việc giữa Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố T với bà Y ngày 16-4-2013, thì đã thống nhất giao cho bà Y lô đất N10 diện tích 120m² tại khu dân cư số 4; đối với 60m² giao thiếu thì bà Y đề nghị trả lại tiền cho bà theo giá đất tại thời điểm hiện nay. Ngày 17-4-2013, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố T phối hợp với UBND phường A đã cắm mốc giao đất và ngày 25-10-2013 UBND thành phố T cấp giấy CNQSDĐ cho bà Phạm Thị Hải Y đối với Lô N10 diện tích 120 m², tại Khu dân cư số 4, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Để giải quyết hậu quả của việc giao đất cho bà Y bị thiếu diện tích 60m² đất, UBND thành phố T ban hành liên tiếp nhiều quyết định thiếu căn cứ, áp dụng không đúng pháp luật, giải quyết không triệt để hậu quả của việc giao thiếu đất làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà Y, cụ thể như sau:

- Quyết định số 3704/QĐ-UBND ngày 24-7-2013 (Quyết định số 3704) hoàn trả tiền sử dụng đất đã nộp cho bà Y, Quyết định này có căn cứ vào biên bản làm việc giữa Trung tâm phát triển quỹ đất với bà Y ngày 16-4-2013, mà biên bản này chưa có sự thống nhất về tiền đất trả lại cho bà Y theo loại giá nào và giá bao nhiêu, nhưng UBND thành phố T lại ấn định số tiền hoàn trả 60m² là 127.250.000 đồng; thực tế số tiền này bằng với khoản tiền chênh lệch của số tiền sử dụng đất bà Y đã nộp đối với Lô F42 cộng với khoản tiền nộp thêm khi chuyển đổi sang Lô N10 diện tích 180m² so với số tiền sử dụng đất của Lô đất N10 thực nhận là 120m²; Quyết định này cũng không ghi rõ căn cứ theo quy định của văn bản pháp luật nào để hoàn trả tiền cho bà Y đối với diện tích 60 m² giao thiếu và cũng không tính nghĩa vụ của UBND thành phố T khi chậm thực hiện khắc phục hậu quả của việc giao thiếu đất, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà Y.

- Quyết định số 658/QĐ-UBND ngày 22-01-2014 (Quyết định số 658) hoàn trả cho bà Y 100.000.000 đồng tiền nộp thêm khi hoán đổi đất, nhưng lại căn cứ đơn yêu cầu giải quyết của bà Y ngày 21-01-2014 đề nghị cho tạm ứng số tiền 100.000.000 đồng trong quá trình chờ giải quyết trả tiền đối với diện tích 60 m² giao thiếu; UBND thành phố T cũng không viện dẫn quy định pháp luật nào để hoàn trả tiền cho bà Y; Quyết định này chỉ hoàn trả cho bà Y 100.000.000 đồng nhưng lại thay thế cho Quyết định 3704 hoàn trả 127.250.000 đồng và cũng không giải quyết triệt để hậu quả của việc giao thiếu 60m² đối với bà Y.

- Quyết định số 6727/QĐ-UBND ngày 19-8-2014 (Quyết định số 6727) hoàn trả bổ sung tiền sử dụng đất đã nộp cho bà Y, đã căn cứ các quy định Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế, Nghị định 83/2013/NĐ-CP ngày 22-7-2013 của Chính phủ, Thông tư 156/2013/TT-BTC ngày 06-11-2013 của Bộ Tài chính là áp dụng không đúng pháp luật. Hơn nữa, việc UBND thành phố T áp dụng Quyết định số 1105/QĐ-TGĐ/14 ngày 07-4-2014 của Ngân hàng Việt Á về việc ban hành lãi suất huy động khách hàng cá nhân 8%/năm để làm căn cứ tính tiền lãi hoàn trả bổ sung cho bà Y; sau đó lại ban hành Quyết định số 8319/QĐ-UBND ngày 22-10-2014 về việc điều chỉnh phần căn cứ áp dụng Quyết định 2868/QĐ-NHNN ngày 29-11-2010 của Ngân hàng Nhà nước quy định mức lãi suất cơ bản 9%/năm làm căn cứ tính tiền lãi hoàn trả cho bà Y, nhưng không chỉ ra căn cứ theo quy định tại văn bản pháp luật nào để áp dụng quy định về mức lãi suất này khi giải quyết hậu quả giao thiếu đất.

- Quyết định số 5650/QĐ-UBND ngày 31-7-2015 (Quyết định số 5650) hoàn trả tiền sử dụng đất đã nộp cho bà Y cũng căn cứ Nghị định 83/2013/NĐ-CP ngày 22-7-2013 của Chính phủ, Thông tư 156/2013/TT-BTC ngày 06-11-2013 của Bộ Tài chính để tính tổng số tiền lãi trên số tiền bà Y đã nộp cho diện tích đất 60 m², để hoàn trả cho bà Y là áp dụng không đúng pháp luật. Mặc dù Quyết định 5650/QĐ-UBND ngày 31-7-2015 thay thế Quyết định số 6727 và Quyết định số 8319/QĐ-UBND ngày 22-10-2014 của UBND thành phố T, nhưng về căn cứ pháp lý để hoàn trả tiền tại các

quyết định này là giống nhau, đều áp dụng không đúng pháp luật; quyết định này ấn định số tiền hoàn trả cho bà Y 161.607.500 đồng, trong đó có khoản “lãi suất quy đổi 34.357.500 đồng” nhưng không nêu rõ cơ sở để tính ra khoản tiền lãi này.

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Hải Y hủy Quyết định số 8646/QĐ-UBND ngày 11-11-2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T và Quyết định số 2530/QĐ-UBND ngày 20-7-2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị Hải Y thì thấy:

Trước khi mở phiên tòa, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T đã ban hành Quyết định số 10820/QĐ-UBND ngày 09-10-2017 về việc hủy bỏ Quyết định số 8646/QĐ-UBND ngày 11-11-2014, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam ban hành Quyết định số 3703/QĐ-UBND ngày 19-10-2017 về việc thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 2530/QĐ-UBND ngày 20/7/2015. Tại phiên tòa, bà Phạm Thị Hải Y rút yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu hủy Quyết định 2530/QĐ-UBND ngày 20-7-2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam và hủy Quyết định 8646/QĐ-UBND ngày 11-11-2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết phần yêu cầu này của bà Phạm Thị Hải Y.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện bổ sung của bà Y đối với Quyết định 6072/QĐ-UBND ngày 03-8-2016 của UBND thành phố T về hoàn trả bổ sung tiền sử dụng đất đã nộp thừa cho bà Phạm Thị Hải Y:

Trước khi ban hành Quyết định 6072/QĐ-UBND ngày 03-8-2016 thì UBND thành phố T hoàn trả cho bà Y tiền sử dụng đất nộp thừa với số tiền 127.250.000 đồng và bổ sung thêm khoản tiền lãi, số tiền lãi theo các quyết định có thay đổi về việc áp dụng căn cứ tính lãi và số tiền lãi. Khi ban hành Quyết định 6072/QĐ-UBND ngày 03-8-2016 (Quyết định số 6072) tính bổ sung thêm tiền sử dụng đất đối với diện tích $17,5 \text{ m}^2 \times 1.300.000 \text{ đ/m}^2$, nghĩa là toàn bộ diện tích 60 m^2 đất giao thiếu cho bà Y được tính với giá $2.500.000 \text{ đ/m}^2$; đối với tiền lãi của bà Y được chia làm hai khoảng thời gian: từ ngày 16-8-2011 (ngày bà Y hoàn thành nghĩa vụ tài chính đối với 180 m^2 của lô N10) đến ngày 22-01-2014 (ngày bà Y nhận $100.000.000 \text{ đ}$) và từ ngày 23-01-2014 đến ngày 30-7-2016. Do đó, kể từ khi Quyết định số 6072 được ban hành đã làm thay đổi toàn bộ số tiền hoàn trả cho bà Y (cả gốc và lãi) so với các quyết định hành chính trước đó (Quyết định số 3704, Quyết định số 6727, Quyết định số 8319 và Quyết định số 5650 của UBND thành phố T). Tuy nhiên, tại phần căn cứ ban hành của Quyết định số 6072, không viện dẫn văn bản pháp luật nào để làm căn cứ hoàn trả tiền nộp thừa và tính lãi suất đối với số tiền bà Y đã nộp cho diện tích đất 60 m^2 là không đúng pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện UBND thành phố T cho rằng Quyết định 6072/QĐ-UBND ngày 03-8-2016 là quyết định hành chính cuối cùng, việc hoàn trả tiền cho bà Y theo quyết định này đã đảm bảo quyền lợi cho bà Y, nhưng UBND thành phố T không đưa ra được cơ sở pháp lý để chứng minh cho việc hoàn trả tiền theo quy định nào.

Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Hải Y hủy Quyết định số 6072/QĐ-UBND ngày 03-8-2016 của UBND thành phố T; Đồng thời, như phân tích ở trên, các quyết định của UBND thành phố T liên quan đến việc hoàn trả tiền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại cho bà Y không đúng pháp luật như viện dẫn nêu trên, cần phải hủy bỏ để UBND thành phố T giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật, gồm: Quyết định số 3704; Quyết định số 6727, Quyết định số 8319, Quyết định số 5650 và Quyết định số 658.

[2.3] Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại của bà Phạm Thị Hải Y: Bà Y chưa đưa ra được chứng cứ chứng minh cụ thể cho thiệt hại của mình phát sinh từ các quyết định hành chính của UBND thành phố T. Mặt khác, khi hủy các quyết định của UBND thành phố T về việc hoàn trả tiền sử dụng đất, nếu bà Y có các thiệt hại thì sẽ được xem xét trong quá trình UBND thành phố T giải quyết lại sự việc theo quy định của pháp luật. Bà Y thống nhất để sau này khi UBND thành phố T giải quyết lại nếu có thiệt hại thì bà sẽ yêu cầu bồi thường sau.

[2.4] Đối với số tiền 100.000.000 đồng mà bà Y đã nhận theo Lệnh hoàn trả khoản thu ngân sách nhà nước ngày 23-01-2014 sẽ được UBND thành phố T khấu trừ khi giải quyết lại hậu quả của việc giao thiếu 60m² đất đối với bà Y.

[3] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Hải Y được chấp nhận, nên UBND thành phố T phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 32, 143, 158, 165 và 193 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

- Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Hải Y về việc yêu cầu hủy Quyết định số 8646/QĐ-UBND ngày 11-11-2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T và Quyết định 2530/QĐ-UBND ngày 20-7-2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị Hải Y.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Hải Y.

Xử: Hủy Quyết định số 6072/QĐ-UBND ngày 03-8-2016 của UBND thành phố T về việc hoàn trả bổ sung tiền sử dụng đất đã nộp thừa cho bà Phạm Thị Hải Y.

Hủy các Quyết định của UBND thành phố T, gồm: Quyết định số 3704/QĐ-UBND ngày 24-7-2013, Quyết định số 6727/QĐ-UBND ngày 19-8-2014, Quyết định 8319/QĐ-UBND ngày 22-10-2014, Quyết định 5650/QĐ-UBND ngày 31-7-2015 và Quyết định 658/QĐ-UBND ngày 22-01-2014.

- Án phí hành chính sơ thẩm:

Ủy ban nhân dân thành phố T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Bà Phạm Thị Hải Y không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn lại cho bà Phạm Thị Hải Y số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 000292 ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 30-11-2017); đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND tỉnh Quảng Nam
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Đinh Văn Long